

ĐỀ CƯƠNG
GIỮA HỌC KỲ I CÁC MÔN KHỐI 6 NĂM HỌC 2023 – 2024

MÔN TOÁN

A. Kiến thức trọng tâm

1.1. Phần số học

* *Chương I:*

- Tập hợp
- Các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên; các công thức về lũy thừa và thứ tự thực hiện phép tính
- Tính chất chia hết của một tổng và các dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9
- Phân tích một số ra thừa số nguyên tố
- Cách tìm ƯCLN

1.2. Hình học

Hình tam giác đều, Hình vuông, Hình chữ nhật, Hình thoi, Hình bình hành, Hình thang cân

Công thức tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật và hình thang. Chu vi, diện tích hình bình hành, hình thoi.

B. Phần bài tập

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM.

Câu 1: Cho M là tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn hoặc bằng 4. Khẳng định dưới đây đúng là:

A. $M = \{0;1;2;3;4\}$.

B. $M = \{0;1;2;3\}$.

C. $M = \{1;2;3;4\}$.

D. $M = \{1;2;3\}$.

Câu 2: Cho tập hợp $A = \{x | x \text{ là số tự nhiên chẵn, } x < 20\}$. Khẳng định dưới đây đúng là:

A. $17 \in A$.

B. $20 \in x$.

C. $10 \in x$.

D. $12 \notin x$.

Câu 3: Cho $B = \{0;2;4;6;8;10\}$. Tập hợp B được viết bằng cách chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp là:

A. $B = \{x | x \text{ là số tự nhiên, } x < 11\}$.

B. $B = \{x | x \text{ là số tự nhiên, } x < 10\}$.

C. $B = \{x | x \text{ là số tự nhiên chẵn } n, x < 11\}$.

D. $B = \{x | x \text{ là số tự nhiên chẵn } n, x < 10\}$.

Câu 4: Biết $143 - x = 57$, giá trị của x là

A. $x = 86$.

B. $x = 200$.

C. $x = 114$.

D. 100.

Câu 5: Kết quả của phép tính $18.43 + 58.18 - 181$ là:

A. $c = a + b$.

B. 1800.

C. 774.

D. 1000.

Câu 6: Trước năm học lớp 6, mẹ mua cho Nam một chiếc ba lô có giá là 233000 đồng, một đôi giày thể thao có giá 359000 đồng, một bình đựng nước có giá 67000 đồng. Số tiền mẹ đã mua cho Nam là (đơn vị: đồng).

- A. 367000. B. 659000. C. 533000 đồng. D. 600000 đồng.

Câu 7: Biết $15:(x+3)=3$, giá trị của x là:

- A. $x=45$. B. $x=$. C. x . D. $x=2$.

Câu 8: Đối với biểu thức không có dấu ngoặc và chỉ có các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia, nâng lên lũy thừa thì thứ tự thực hiện phép tính đúng là:

A. Lũy thừa \rightarrow Nhân và chia \rightarrow Cộng và trừ.

B. Nhân và chia \rightarrow Lũy thừa \rightarrow Cộng và trừ.

C. Cộng và trừ \rightarrow Nhân và chia \rightarrow Lũy thừa.

D. Lũy thừa \rightarrow Cộng và trừ \rightarrow Nhân và chia.

Câu 9: Viết kết quả phép tính $2^4 \cdot 8$ dưới dạng một lũy thừa ta được:

- A. 2^6 . B. 2^7 . C. 2^8 . D. 2^9 .

Câu 10: Kết quả của phép tính $121-21 \cdot (2^3-3)$ là:

- A. 500. B. 58. C. 16. D. 300.

Câu 11: Trong các số 6;7;60; 18. Bội của 30 là:

- A. 6. B. 7. C. 60. D. 18.

Câu 12: Biết x là ước của 24 và $x \geq 10$. Tất cả các giá trị của x thỏa mãn là:

- A. $x \in \{10;12;24\}$. B. $x \in \{12;18;24\}$.

- C. $x \in \{12;24\}$. D. $x \in \{12\}$.

Câu 13: Trong các tổng sau, tổng chia hết cho 12 là:

- A. $6+12+24$. B. $20+12$. C. $24+60+12$. D. $120+18+180$.

Câu 14: Trong các số 134;768;640;295. Số chia hết cho 5 mà không chia hết cho 2 là:

- A. 124. B. 768. C. 640. D. 295.

Câu 15: Biết $\overline{5x6}:9$ thì chữ số x bằng:

- A. 7. B. 8. C. 3. D. 0.

Câu 16: Trong các số 0;1;4;7;8. Tập hợp tất cả các số nguyên tố là:

- A. $\{7\}$. B. $\{1;7\}$. C. $\{4;8\}$. D. $\{0;4;8\}$.

Câu 17: Khi phân tích 240 ra thừa số nguyên tố thì kết quả đúng là:

- A. $16 \cdot 3 \cdot 5$. B. $2^2 \cdot 3^2 \cdot 5$. C. $2^4 \cdot 3 \cdot 5$. D. $2^4 \cdot 3^2 \cdot 5$.

Câu 18: Bạn Tùng phải xếp 16 chiếc bánh vào các đĩa sao cho số bánh trên các đĩa bằng nhau và có nhiều hơn 2 đĩa. Số cách Tùng có thể xếp bánh là:

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 19: Chiếc đồng hồ gỗ dưới đây có hình dạng giống hình:



- A.** Tam giác. **B.** Hình vuông. **C.** Hình chữ nhật. **D.** Lục giác đều.

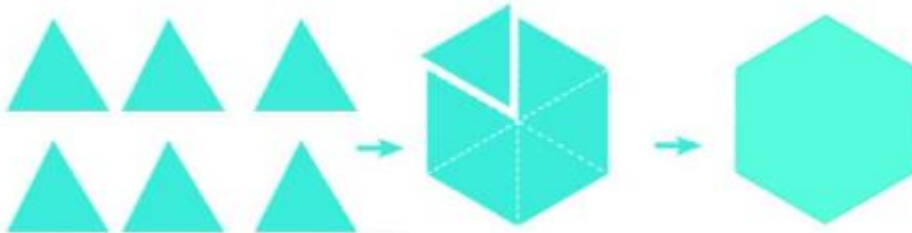
Câu 20: Cho hình vuông $ABCD$. Khẳng định sai là:

- A.** Hình vuông $ABCD$ có bốn cạnh bằng nhau: $AB = BC = CD = DA$.
B. Hình vuông $ABCD$ có bốn góc ở đỉnh: A, B, C, D bằng nhau.
C. Hình vuông $ABCD$ có hai đường chéo bằng nhau: $AC = BD$.
D. Hình vuông $ABCD$ có hai cặp cạnh đối song song: AB và BC ; CD và DA .

Câu 21: Tam giác đều ABC có chu vi bằng 12 cm. Độ dài cạnh BC là:

- A.** 2 cm. **B.** 3 cm. **C.** 4 cm. **D.** 6 cm.

Câu 22: Người ta xếp 6 tam giác đều có chu vi 9 cm thành một hình lục giác đều. Chu vi của lục giác đều mới là:



- A.** 18 cm. **B.** 27 cm. **C.** 36 cm. **D.** 54 cm.

Câu 23: Một hình vuông có diện tích là 144 cm^2 . Độ dài cạnh của hình vuông là:

- A.** 10 cm **B.** 12 cm. **C.** 36 cm. **D.** 24 cm.

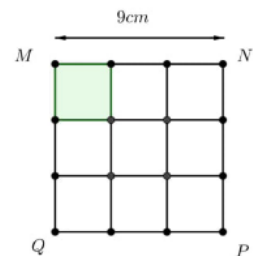
Câu 24: Hình vuông $ABCD$ có chu vi là 20 cm. Diện tích của hình vuông $ABCD$ là:

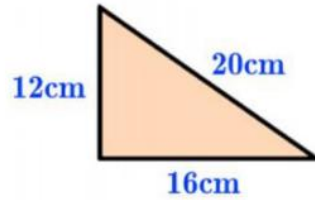
- A.** 100 cm^2 **B.** 16 cm^2 . **C.** 36 cm^2 . **D.** 25 cm^2 .

Câu 25: Xếp 9 mảnh hình vuông nhỏ bằng nhau tạo thành hình vuông $MNPQ$. Biết $MN = 9 \text{ cm}$. Diện tích của hình vuông nhỏ là:

- A.** 9 cm^2 . **B.** 1 cm^2 . **C.** 12 cm^2 . **D.** 81 cm^2 .

Câu 26: Tam giác và hình vuông bên dưới có chu vi bằng nhau. Độ dài cạnh của hình vuông bằng:





A. 8 cm.

B. 12 cm .

C. 16 cm .

D. 24 cm .

II. PHẦN TỰ LUẬN

Dạng 1. Thực hiện phép tính

Bài 1: Tính hợp lí (nếu có thể):

1) $176 + 228 + 272 + 324$

2) $526 - 131 - 326 + 321$

3) $545.65 + 15.545 - 80.445$

4) $31.175 - 31.50 + 69.125$

5) $43.78 - 43.48 + 30.80 - 30.23$

6) $64.57 + 64.43 - 2300.$

Bài 2: Thực hiện phép tính:

1) $3.5^2 - 16 : 2^2$

2) $200 : [117 - (23 - 2.3)]$

3) $2^3 \cdot 17 - 2^3 \cdot 14$

4) $2020 - [45 - (6 - 1)^2] + 1992^0$

5) $20 - [30 - (5 - 1)^2]$

6) $480 : [75 + (7^2 - 8.3) : 5] + 2021^0$

7) $8.5^2 - 189 : 3^2$

8) $2^4.5 - [131 - (13 - 4)^2]$

Dạng 2. Tìm x

Bài 3: Tìm số tự nhiên x biết:

1) $(x + 7) - 25 = 13$

2) $87 - (73 - x) = 20$

3) $x - 105 : 21 = 15$

4) $15 + (x + 2)^2 : 3 = 18$

5) $20 - 2(x - 1)^2 = 2$

6) $3^{x-1} + 3^x + 3^{x+1} = 39.$

Bài 4: Tìm số tự nhiên x biết:

1) $x \in U(18)$ và $x \in B(4)$

2) $x \in U(20)$ và $x \in B(2)$

3) $x \in B(12)$ và $30 \leq x \leq 100$

4) $x \in U(150)$ và $x \leq 50.$

Bài 5: Tìm chữ số x và y biết:

1) $\overline{17x2y}$ chia hết cho 2, 5, 3

2) $\overline{234xy}$ chia hết cho 2, 5, 9

3) $\overline{4x6y}$ chia hết cho 2, 5 và chia cho 3 dư 1

4) $\overline{57x2y}$ chia hết 5, 9 nhưng không chia hết cho 2

Dạng 3. Bài toán có nội dung thực tế

Bài 6. Một lớp học có 24 học sinh nam và 18 học sinh nữ. Có bao nhiêu cách chia tổ sao cho số nam và số nữ được chia đều vào các tổ?

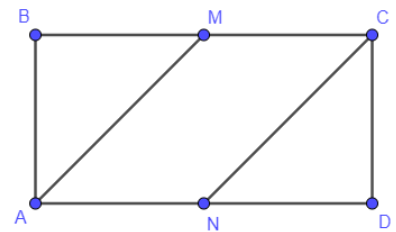
Bài 7. Tổ 1 của lớp 6B được nhận phần thưởng của cô giáo chủ nhiệm và mỗi em được nhận phần thưởng như nhau. Cô giáo chủ nhiệm đã chia hết 54 quyển vở và 45 bút bi. Hỏi số học sinh tổ 1 của lớp 6B là bao nhiêu? Biết mỗi tổ của lớp có số học sinh nhiều hơn 3.

Bài 8. Cô giáo chủ nhiệm muốn chia 24 quyển vở, 48 bút bi và 36 gói bánh thành một số phần thưởng như nhau để trao trong dịp sơ kết học kì. Hỏi có thể chia được nhiều nhất bao nhiêu phần thưởng? Khi đó mỗi phần thưởng có bao nhiêu quyển vở, bút bi và gói bánh?

Bài 9. Bạn Hà có 42 viên bi màu đỏ và 30 viên bi màu vàng. Hà có thể chia nhiều nhất vào bao nhiêu túi sao cho số bi đỏ và bi vàng được chia đều vào các túi? Khi đó mỗi túi có bao nhiêu viên bi đỏ và viên bi vàng.

Bài 10. Có một miếng đất hình bình hành, cạnh đáy bằng 32,5m, chiều cao bằng $\frac{3}{5}$ độ dài cạnh đáy. Trên miếng đất người ta trồng rau, mỗi mét vuông thu hoạch được 2,4kg rau. Hỏi số rau thu hoạch trên miếng đất là bao nhiêu?

Bài 11. Trên một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 12m, chiều rộng 10m, người ta phân chia khu vực để trồng hoa, trồng cỏ như hình bên. Hoa sẽ được trồng ở trong khu vực hình bình hành AMCN, cỏ sẽ trồng ở phần đất còn lại. Tiền công để trả cho mỗi mét vuông trồng hoa là 50 000 đồng, trồng cỏ là 40 000 đồng. Tính số tiền công cần chi trả để trồng hoa và cỏ.

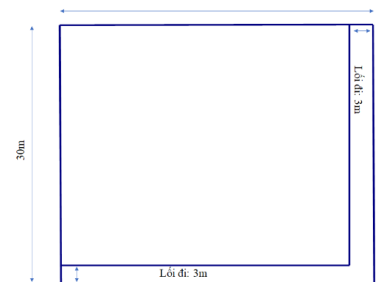


Bài 12. Cho một mảnh vườn hình vuông có cạnh 50m để trồng rau. Hãy tính:

a) Diện tích của mảnh vườn đó.

b) Độ dài hàng rào bao quanh mảnh vườn đó

Bài 13. Cho mảnh vườn có dạng hình vuông cạnh 30m. Người ta để một phần vườn làm lối đi rộng 3m (như hình vẽ), phần còn lại để trồng rau.



a) Tính diện tích phần trồng rau?

b) Người ta làm hàng rào xung quanh mảnh vườn trồng rau và ở 1 một góc vườn rau có để cửa ra vào rộng 3m. Tính độ dài hàng rào đó.

Bài 14. Một hình vuông có chu vi bằng 32m. Tính diện tích của hình vuông đó..

Bài 15. Một hình chữ nhật có diện tích là 256 m². Tính độ dài hàng rào bao quanh mảnh vườn hình vuông có diện tích bằng diện tích hình chữ nhật, biết rằng mảnh vườn để cửa ra vào rộng 2m.

Bài 16. Một căn phòng hình vuông cạnh là 6m. Chủ nhà muốn sử dụng gạch có kích

thước 60cmx60cm để lát nền nhà. Hỏi chủ nhà cần mua bao nhiêu viên gạch để đủ ốp hết căn phòng.

Bài 17. Nhà Phúc có một mảnh vườn hình vuông có cạnh dài 15 m, bố Phúc dự định trồng bưởi da xanh trên mảnh vườn đó, với khoảng cách trồng thích hợp là 5mx5m. Hỏi bố Phúc phải dùng bao nhiêu tiền để trồng bưởi trên hết mảnh đất trên biết rằng một cây bưởi giống có giá là 300.000 đồng.

Dạng 4. Một số bài tập nâng cao.

Bài 18: Cho $A = 2 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{60}$. Chứng tỏ rằng: A chia hết cho 3,5,7.

Bài 19: So sánh:

a) $A = 2^0 + 2^1 + 2^2 + 2^3 + \dots + 2^{2010}$ và $B = 2^{2011} - 1$.

b) $A = 2009.2011$ và $B = 2010^2$.

Bài 20: Chứng minh $3n + 11$ và $3n + 2$ là hai số nguyên tố cùng nhau với mọi số tự nhiên n.

Bài 21: Tìm số tự nhiên n biết:

a) $n + 15 : n - 6$

b) $2n + 15 : 2n + 3$

c) $6n + 9 : 2n + 1$

Bài 22: a) Chứng tỏ $2x + 3y$ chia hết cho 17 thì $9x + 5y$ chia hết cho 17

b) Cho biết $a + 4b : 13$ ($a, b \in \mathbb{N}$). Chứng minh $10a + b : 13$

MÔN KHTN

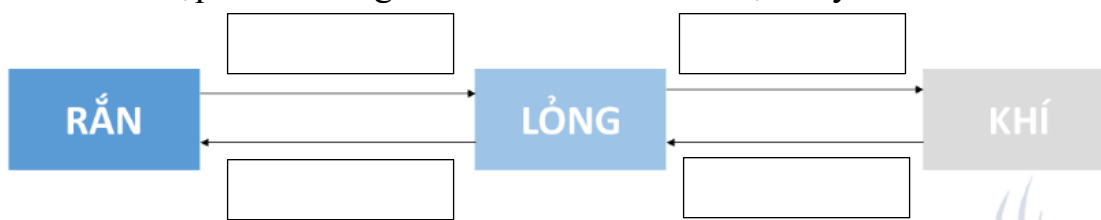
A. PHẠM VI ÔN TẬP

- Chương I: từ bài 1 đến hết bài 4.
- Chương II: từ bài 9 đến hết bài 11.
- Chương III: bài 12.

B. NỘI DUNG ÔN TẬP

I. Lí thuyết

1. Phân biệt vật sống và vật không sống. Các lĩnh vực chính của khoa học tự nhiên.
2. Phân biệt các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.
3. Ứng dụng của kính lúp và kính hiển vi.
4. a/ Nêu dụng cụ đo và đơn vị đo của độ dài, nhiệt độ, khối lượng, thời gian, thể tích.
b/ Nêu khái niệm giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của các dụng cụ đo?
5. Tính chất vật lí gồm những yếu tố nào? Sự biến đổi tạo ra chất mới là tính chất vật lí hay tính chất hóa học?
6. Hãy nêu một số tính chất của chất ở thể rắn, thể lỏng và thể khí.
7. Điền từ thích hợp vào ô trống để hoàn thành sơ đồ “Sự chuyển thể của chất”



8. Nêu tính chất vật lí và tầm quan trọng của oxygen.

9. Nêu thành phần phần trăm thể tích của không khí. Nêu vai trò của không khí đối với sự sống.

10. Đánh dấu x vào các cột mô tả tính chất của vật liệu (nếu có) vào trong bảng dưới đây và nêu ứng dụng của các loại vật liệu đó

Tính chất Vật liệu	Dẫn điện	Dẫn nhiệt	Cứng	Mềm đẻo	Đẽ uốn	Đàn hồi	Trong suốt	Giòn, dễ vỡ	Ứng dụng
Kim loại	x	x	x		x				Làm dây điện, nồi, làm cầu...
Gỗ									
Thủy tinh									
Cao su									
Gốm									
Nhựa									

II. Bài tập minh họa

a. Trắc nghiệm:

Câu 1. Lĩnh vực nào sau đây không thuộc về khoa học tự nhiên?

- A. Hóa học
- B. Khoa học trái đất
- C. Lịch sử
- D. Vật lí

Câu 2. Vật nào sau đây gọi là vật không sống?

- A. Con ong
- B. Vi khuẩn
- C. Than củi
- D. Cây cam

Câu 3. Các biển báo trong hình có ý nghĩa gì?



- A. Nơi để đồ ăn
- B. Cấm ăn uống
- C. Cảnh báo không nên ăn uống.
- D. Chỉ dẫn cách ăn uống.

Câu 4. Người nào dưới đây sử dụng loại kính lúp không phù hợp?

- A. Chú Quang dùng kính lúp để bàn có đèn để sửa bảng vi mạch điện tử.
- B. Cô Nga dùng kính lúp để bàn để soi mẫu vải.
- C. Bạn Huy dùng kính lúp cầm tay để quan sát cây nấm.
- D. Bạn Hoa dùng kính lúp đeo mắt để xem tivi.

8 phút 8 giây =giây 2028 kg = tấn.....kg 90009 m =km.....m
 3/4giờ = giây 3 tạ 1 yến = kg 54 km = m
 6 giờ 18 phút =phút 5 tấn 12 kg = kg 137 m =dm
 355 phút = giờ..... phút 3 kg 125 g = g 324m =hm
 2 thế kỉ 2 năm = năm 11m 31 dm = mm

Câu 7. Hằng ngày, bạn Lan Hạ phải đón chuyến xe buýt lúc 6 giờ 30 phút sáng để đến trường, nhưng hôm nay bạn Lan Hạ lại đến trễ 6 phút.

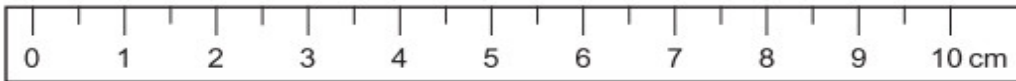
- a) Hỏi bạn Lan Hạ đến trạm xe lúc mấy giờ?
- b) Hỏi mất bao lâu thì bạn Lan Hạ mới đón được chuyến xe buýt tiếp theo? Biết rằng cứ sau 15 phút sẽ có một chuyến xe ra vào trạm.

Câu 8. Người bán hàng sử dụng cân đồng hồ như hình bên để cân hoa quả. Hãy cho biết GHĐ, ĐCNN của cân này và đọc giá trị khối lượng của quả được đặt trên đĩa cân.



GHĐ:..... ĐCNN Khối lượng của quả trên đĩa cân:.....

Câu 9. Hãy cho biết GHĐ và ĐCNN của thước kẻ trong hình sau :



GHĐ:..... ĐCNN

MÔN TIN HỌC

I. TRẮC NGHIỆM: (Khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Thông tin là gì?

- A. Văn bản, Hình ảnh, âm thanh
- B. Hình ảnh, âm thanh, tệp tin
- C. Những gì đem lại hiểu biết cho con người về thế giới xung quanh và về chính bản thân mình.
- D. Các văn bản và số liệu

Câu 2: Ba dạng thông tin cơ bản của tin học là:

- A. Văn bản, chữ viết, tiếng nói;
- B. Văn bản, âm thanh, hình ảnh;
- C. Các con số, hình ảnh, văn bản;
- D. Âm thanh chữ viết, tiếng đàn piano.

Câu 3: Thông tin khi đưa vào máy tính, chúng đều được biến đổi thành dạng chung đó là:

- A. Văn bản B. Hình ảnh C. Âm thanh D. Dây bit

Câu 4: Biên báo giao thông “tốc độ tối đa cho phép” ở hình bên là:

- A. Thông tin B. Dữ liệu C. Vật mang tin

Câu 5: Theo em máy tính có thể hỗ trợ trong những công việc gì?

- A. Thực hiện các tính toán B. Ném thức ăn
C. Sờ bề mặt bàn D. Ngửi mùi hương

Câu 6: Dãy bit là dãy chỉ gồm

- A. 0 và 1 B. 2 và 3 C. 4 và 5 D. 6 và 7

Câu 7: Xem bản tin dự báo thời tiết như Hình 1, bạn Khoa kết luận: "Hôm nay, trời có mưa". Phát biểu nào sau đây đúng?

A. Bản tin dự báo thời tiết là dữ liệu, kết luận của Khoa là thông tin.

B. Bản tin dự báo thời tiết là thông tin, kết luận của Khoa là dữ liệu.

C. Bản tin dự báo thời tiết và kết luận của Khoa đều là dữ liệu

D. Những con số trong bản tin dự báo thời tiết là thông tin.

Câu 8: Hoạt động thông tin của con người là:

- A. Thu nhận thông tin B. Xử lý, lưu trữ thông tin
C. Trao đổi thông tin D. Tất cả đều đúng

Câu 9: Chức năng của bộ nhớ máy tính là:

- A. Thu nhận thông tin B. Xử lý thông tin
C. Lưu trữ thông tin D. Truyền thông tin

Câu 10: Thứ tự các hoạt động của quá trình xử lý thông tin bao gồm những gì?

- A. Thu nhận thông tin □ lưu trữ thông tin □ xử lý thông tin □ truyền thông tin
B. Thu nhận thông tin □ xử lý thông tin □ truyền thông tin □ lưu trữ thông tin
C. Xử lý thông tin □ thu nhận thông tin □ lưu trữ thông tin □ truyền thông tin
D. Thu nhận thông tin □ xử lý thông tin □ lưu trữ thông tin □ truyền thông tin

Câu 11: Đây là các thiết bị nhập dữ liệu?

- A. Màn hình cảm ứng, loa, máy in B. Chuột, bàn phím, màn hình cảm ứng
C. Bàn phím, loa, máy in D. Màn hình, máy in, bàn phím.

Câu 12: Đây là các thiết bị xuất dữ liệu?

- A. Màn hình cảm ứng, loa, máy in B. Chuột, bàn phím, màn hình cảm ứng
C. Bàn phím, loa, máy in D. Màn hình, máy in, bàn phím.

Câu 13: Bàn phím, chuột, máy quét và webcam là những ví dụ về loại thiết bị nào của máy tính?

- A. Thiết bị vào. B. Bộ nhớ. C. Thiết bị lưu trữ. D. Thiết bị ra.

Câu 14: Cấu trúc chung của máy tính điện tử gồm các khối chức năng

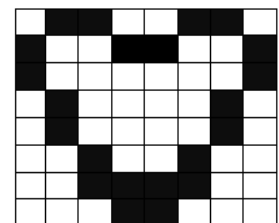
- A. Bộ xử lý trung tâm (CPU) B. Bộ nhớ
C. Thiết bị vào/ra D. Cả 3 đáp án A,

Câu 15: Đơn vị nhỏ nhất trong lưu trữ thông tin là gì?

- A. Bit. B. Byte. C. Digit. D. Kilobyte.

Câu 16: Chuyển dòng đầu của hình vẽ bên thành dãy bit?

- A. 10011001 B. 01100110 C. 10011001 D. 01100000



- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ; nêu được tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.
- Hiểu và trình bày được ý nghĩa các chi tiết, nhân vật trong văn bản
- Chỉ ra được nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản
- Biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết vấn đề trong thực tế

Phần II: Thực hành tiếng Việt

1. Từ đơn, từ phức
2. Nghĩa của từ
3. Biện pháp tu từ: So sánh, điệp ngữ, ẩn dụ
4. Dấu câu: dấu ngoặc kép

*** Yêu cầu về Tiếng Việt**

- Nhận diện được đơn vị kiến thức Tiếng Việt cơ bản trong văn bản.
- Nêu vai trò, tác dụng của các đơn vị kiến thức trong văn bản.
- Vận dụng kiến thức trong thực hành nói và viết.

Phần III: Viết

Văn tự sự: kể một trải nghiệm của bản thân

Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

*** Yêu cầu về Tập làm văn:**

- Vận dụng các kĩ năng viết bài văn đảm bảo theo các bước đã học
- Xác định được trình tự kể và xây dựng bố cục bài văn tự sự
- Biết vận dụng các kĩ năng đó vào tạo lập văn bản.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP

Bài 1: Hãy trả lời các câu hỏi sau:

- a. Thế nào là truyện, truyện đồng thoại? Cốt truyện? Nhân vật?
- b. Người kể chuyện là ai? Có những ngôi kể nào?
- c. Nêu một số đặc điểm chính của thơ (hình thức, nội dung, ngôn ngữ, nghệ thuật) ?

Bài 2: Thay ngôi kể trong đoạn văn sau thành ngôi thứ nhất và nhận xét ngôi kể đem lại điều gì khác cho đoạn văn:

“Dùng cây bút thần, Mã Lương vẽ cho tất cả người nghèo trong làng. Nhà nào không có cây, em vẽ cho cây. Nhà nào không có cuốc, em vẽ cho cuốc. Nhà nào không có đèn, em vẽ cho đèn. Nhà nào không có thùng nước, em vẽ cho thùng...”

Việc đó ai cũng biết. Rồi câu chuyện cây bút thần lọt tới tai một tên địa chủ giàu có trong làng. Hắn liền sai hai tên đầy tớ đến bắt Mã Lương về nhà vẽ theo ý muốn của hắn. Mã Lương tuy còn nhỏ, nhưng tính tình khảng khái. Em biết bụng dạ tham lam của bọn nhà giàu, nên không vẽ bất cứ thứ gì, mặc cho chúng hét lời dụ dỗ, dọa nạt. Tên địa chủ tức giận, nhốt em vào chuồng ngựa, không cho ăn uống gì”.

Bài 3: Đọc văn bản sau đây rồi trả lời các câu hỏi:

Ngày xưa có một cô bé vô cùng hiếu thảo sống cùng với mẹ trong một túp lều tranh dột nát. Thật không may mẹ của cô bé lại bị bệnh rất nặng nhưng vì nhà nghèo nên không có tiền mua thuốc chữa bệnh, cô bé vô cùng buồn bã.

Một lần đang ngồi khóc bên đường bỗng có một ông lão đi qua thấy lạ bèn đứng lại hỏi. Khi biết sự tình ông lão nói với cô bé:

– Cháu hãy vào và đến bên gốc cây cổ thụ to nhất trong rừng hái lấy một bông hoa duy nhất trên đó.

Bông hoa đó có bao nhiêu cánh tức mẹ cháu sống được từng ấy năm. Cô bé liền vào rừng và rất lâu sau mới tìm thấy bông hoa trắng đó. Phải khó khăn lắm cô mới trèo lên được để lấy bông hoa, nhưng khi đếm chỉ có một cánh... hai cánh... ba cánh... bốn cánh... năm cánh. Chỉ có năm cánh hoa là sao chứ? Chẳng nhẽ mẹ cô chỉ sống được từng đó năm thôi sao? Không đành lòng cô liền dùng tay xé nhỏ từng cánh hoa lớn thành những cánh hoa nhỏ và bông hoa cũng theo đó mà nhiều thêm cánh dần lên, nhiều đến mức không còn đếm được nữa. Người mẹ nhờ bông hoa thần dược đó mà sống rất lâu. Từ đó, người đời gọi bông hoa ấy là bông hoa cúc trắng để nói về lòng hiếu thảo của cô bé dành cho mẹ mình.

(Theo Quà tặng cuộc sống, NXB Thanh niên, 2009)

Câu 1. Nhân vật nào là nhân vật chính trong văn bản?

Câu 2. Tìm các từ láy được sử dụng trong văn bản trên.

Câu 3. Cô bé đã cố gắng làm gì để cứu sống mẹ?

Câu 4. Em thích chi tiết nào nhất trong truyện? Vì sao?

Câu 5. Bài học ý nghĩa nhất mà câu chuyện muốn gửi gắm

Bài 4: Trong bài “Lượm” của Tố Hữu có đoạn:

Chú bé loắt choắt

Cái xác xinh xinh

Cái chân thoăn thoắt

Cái đầu nghênh nghênh

Ca lô đội lệch

Mồm huýt sáo vang

Như con chim chích

Nhảy trên đường vàng...

Câu 1. Xác định thể thơ, vần

Câu 2. Chỉ ra phép so sánh và hãy phân tích cái hay của phép so sánh đó.

Câu 3. Tìm các từ láy trong đoạn thơ trên và cho biết tác dụng?

Câu 4. Nêu cảm nhận của em về chú bé Lượm trong đoạn thơ trên.

Bài 5: Đọc ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu:

CÂU CHUYỆN ỐC SÊN

Ốc sên con ngày nọ hỏi mẹ: "Mẹ ơi! Tại sao chúng ta từ khi sinh ra phải đeo cái bình

vừa nặng vừa cứng trên lưng như thế? Thật mệt chết đi được!"

"Vì cơ thể chúng ta không có xương để chống đỡ, chỉ có thể bò, mà bò cũng không nhanh" - Ốc sên mẹ nói.

"Chị sâu róm không có xương cũng bò chẳng nhanh, tại sao chị ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?"

"Vì chị sâu róm sẽ biến thành bướm, bầu trời sẽ bảo vệ chị ấy".

"Nhưng em giun đất cũng không có xương, cũng bò chẳng nhanh, cũng không biến hoá được, tại sao em ấy không đeo cái bình vừa nặng vừa cứng đó?"

"Vì em giun đất sẽ chui xuống đất, lòng đất sẽ bảo vệ em ấy".

Ốc sên con bật khóc, nói: "Chúng ta thật đáng thương, bầu trời không bảo vệ chúng ta, lòng đất cũng chẳng che chở chúng ta".

"Vì vậy mà chúng ta có cái bình!" - Ốc sên mẹ an ủi con - "Chúng ta không dựa vào trời, cũng chẳng dựa vào đất, chúng ta dựa vào chính bản thân chúng ta".

(Theo Quà tặng cuộc sống, NXB Thanh niên, 2009)

Câu 1. Xác định thể loại, ngôi kể được sử dụng trong văn bản trên

Câu 2. Em hãy chỉ ra tác dụng của các dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.

Câu 3. Vì sao Ốc sên con lại bật khóc và cảm thấy mình đáng thương?

Câu 4. Em có đồng ý với lời động viên an ủi của Ốc sên mẹ không? Vì sao?

Câu 5. Qua câu chuyện trên em rút ra được bài học gì cho mình?

Bài 6: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Anh đội viên thức dậy
Thấy trời khuya lắm rồi
Mà sao Bác vẫn ngồi
Đêm nay Bác không ngủ

Lặng yên bên bếp lửa
Vẻ mặt Bác trầm ngâm
Ngoài trời mưa lâm thâm
Mái lều tranh xơ xác

Anh đội viên nhìn Bác
Càng nhìn lại càng thương
Người cha mái tóc bạc
Đốt lửa cho anh nằm

(Đêm nay Bác không ngủ” – Minh Huệ)

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Đọc đoạn trích trên, ta như được nghe kể một câu chuyện. Theo em, ai đang kể chuyện và kể về ai? Hình ảnh người được kể hiện lên như thế nào?

Câu 3. Ghi lại các 2 từ láy, 2 từ ghép có trong đoạn thơ trên?

Câu 4. Câu thơ “*Người Cha mái tóc bạc*” sử dụng phép tu từ nào? Tác dụng của phép tu từ đó?

Câu 5. Nêu cảm nhận của em về Bác Hồ trong đoạn thơ trên.

Bài 7: Hãy viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của em (trải nghiệm vui vẻ, hạnh phúc, trải nghiệm buồn, tiếc nuối, ...)

Bài 8: Hãy viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả mà em thích.

C. GỢI Ý TRẢ LỜI

Bài 1: HS dựa vào phần Tri thức Ngữ văn bài 1 và bài 2 SGK để có câu trả lời đúng

Bài 2:

- Thay ngôi kể thứ ba trong đoạn văn thành ngôi thứ nhất: xưng “tôi” thay cho tên nhân vật “Mã Lương”

Lưu ý: Khi chuyển ngôi kể nên xưng “tôi” hợp hơn xưng “ta” (vì Mã Lương còn nhỏ tuổi).

- Tác dụng: Việc chuyển ngôi kể như trên làm cho đoạn văn có sắc thái tâm sự, đi vào lòng người hơn (cách kể như vậy đã sang loại kể chuyện sáng tạo : đóng vai nhân vật).

Bài 3: HS tự làm

Bài 4: Học sinh cần chú ý :

- So sánh chú bé với chim chích để biểu thị tính cách hồn nhiên của trẻ em.

- Các từ láy là tính từ như : loắt choắt, xinh xinh, thoăn thoắt.

- Các từ láy trong câu có tác dụng gợi hình, gợi cảm.

Bài 5:

Câu 2. Tác dụng của các dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản: Đánh dấu các lời thoại của nhân vật.

Câu 3. Ốc sên con bật khóc và cảm thấy mình đáng thương vì không được bầu trời bảo vệ như chị sâu, không được lòng đất che chở như em giun đất mà phải luôn tự mình đeo chiếc bình vừa nặng vừa cứng trên lưng.

Câu 4. Có 2 tình huống:

+ Không dựa vào trời, không dựa vào đất mà chỉ dựa vào bản thân, sống tự lập.

+ Vừa phải tự lập là chính nhưng cũng rất cần sự trợ giúp của gia đình và người thân khi cần thiết.

Bài 6:

Câu 1. HS căn cứ vào số lượng tiếng trong câu thơ, số dòng trong các khổ thơ để xác định đúng thể thơ

Câu 2.

- Người kể chuyện: anh đội viên, kể chuyện về Bác Hồ trong một đêm Bác không ngủ trên đường đi chiến dịch
- HS tự nêu cảm thụ của bản thân về hình ảnh Bác Hồ hiện lên trong đoạn thơ

Câu 4.

- Câu thơ “*Người Cha mái tóc bạc*” sử dụng phép tu từ ẩn dụ
- HS cần nêu rõ tác dụng gợi hình, gợi cảm

Bài 7:

a. Mở bài

- Giới thiệu về trải nghiệm khiến em nhớ mãi
 - + Trải nghiệm ấy diễn ra đã bao lâu rồi?
 - + Đó là một trải nghiệm vui hay buồn?

b. Thân bài

- Giới thiệu chung về trải nghiệm đó:
 - + Thời gian cụ thể xảy ra trải nghiệm (ngày nào/ mùa nào/ năm nào)
 - + Không gian xảy ra trải nghiệm (trung tâm, lớp học, phòng ngủ, hồ bơi...)
 - + Lúc xảy ra trải nghiệm, em đang ở cùng với những ai? (ai đã chứng kiến và tham gia vào trải nghiệm của em?)
- Kể lại các sự việc đã xảy ra trong trải nghiệm theo một trình tự hợp lí:
 - + Trải nghiệm đó bắt đầu bằng hoạt động nào của em?
 - + Sau đó, những điều gì đã xảy ra? Có gì đó đặc biệt khác với mọi ngày dẫn đến việc em có một trải nghiệm khó quên?
 - + Em đã làm gì để giải quyết tình huống đó?
 - + Kết quả của trải nghiệm đó là gì? (mặt tốt/ xấu)
 - + Trải nghiệm đó đã tác động đến em và mọi người xung quanh như thế nào?
 - + Em có những suy nghĩ gì sau khi câu chuyện đó xảy ra?

3. Kết bài

- Nêu những ý nghĩa của trải nghiệm đó đối với bản thân em:
 - + Em cảm nhận như thế nào về trải nghiệm đó? (quan trọng, khó quên...)
 - + Trải nghiệm đó giúp em thay đổi bản thân như thế nào?

Bài 8:

a. Mở đoạn:

- Giới thiệu tác giả và bài thơ
- Nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ

b. Thân đoạn:

- Nêu ấn tượng, cảm xúc của em về câu chuyện được kể hoặc các chi tiết miêu tả có trong

bài thơ

- Làm rõ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả
 - Đánh giá tác dụng của việc kể lại câu chuyện kết hợp với các chi tiết miêu tả trong bài thơ
 - Cảm nhận về cảm xúc, tình cảm, suy nghĩ của tác giả.
- c. Kết đoạn: Nêu khái quát điều em tâm đắc về bài thơ (trong đó có nói tới đặc điểm nghệ thuật riêng của bài thơ đã được phân tích ở thân đoạn)

MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ

A. NỘI DUNG TRỌNG TÂM

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ

Học sinh ôn tập những kiến thức Lịch sử đã học từ tuần 1 đến tuần 6, trọng tâm những bài học sau:

1. Lịch sử và cuộc sống
2. Dựa vào đâu để biết và phục dựng lại lịch sử
3. Thời gian trong lịch sử
4. Nguồn gốc loài người
5. Xã hội nguyên thủy

* **Lưu ý:** Chú trọng việc vận dụng kiến thức lý thuyết để giải quyết vấn đề trong thực tế.

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ

- Khái niệm bản đồ và vai trò của bản đồ trong học tập và đời sống.
- Khái niệm kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, vĩ tuyến gốc.
- Kinh độ, vĩ độ. Tọa độ địa lí của 1 điểm.
- Phương hướng trên bản đồ, tỉ lệ bản đồ. Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ.
- Lược đồ trí nhớ.
- Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

B. MỘT SỐ CÂU HỎI MINH HỌA

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ.

1. Trắc nghiệm khách quan:

Câu 1. Trong quá trình tồn tại và phát triển, Người tối cổ đã có phát minh lớn

- A. Biết sử dụng kim loại.
- B. Biết giữ lửa trong tự nhiên.
- C. Biết chế tạo ra đồ đá để sản xuất.
- D. Biết chế tạo ra lửa bằng cách ghè hai mảnh đá với nhau.

Câu 2. Thời nguyên thủy, giai đoạn đầu của Người tinh khôn sống theo

- A. Bộ lạc
- B. Thị tộc
- C. Bầy đàn
- D. Công xã

Câu 3. Thị tộc là

- A. Nhóm người có khoảng hơn 5 gia đình, gồm 2 thế hệ già trẻ có chung dòng máu
- B. 1 nhóm người không cùng huyết thống gồm vài gia đình
- C. Nhóm người có khoảng hơn 10 gia đình, gồm 2 - 3 thế hệ già trẻ có chung dòng máu
- D. Là 1 nhóm người sống chung với nhau

Câu 4. Người nguyên thủy đã có đời sống tinh thần phong phú, nổi bật là

A. thờ cúng “vật tổ”.
B. đời sống tâm linh và nghệ thuật.
C. âm thực và âm nhạc.
D. âm nhạc và hội họa

Câu 5. Loài người có nguồn gốc từ

A. Người tối cổ. B. Vượn. C. Người tinh khôn. D. Vượn người.

Câu 6. Công cụ lao động chủ yếu của Người tối cổ được chế tác từ

A. Chì B. Đá C. Sắt D. Đồng thau

Câu 7. Thời nguyên thủy trên đất nước ta, việc sử dụng công cụ bằng kim loại đã giúp con người mở rộng địa bàn cư trú đến đâu?

A. rừng núi B. đồng bằng ven sông.
C. ven biển. D. cao nguyên.

Câu 8. Lịch sử là gì?

A. Lịch sử là những gì đã diễn ra trong quá khứ.
B. Lịch sử là những hoạt động của con người trong tương lai.
C. Lịch sử là những gì sẽ diễn ra trong tương lai.
D. Lịch sử là những hoạt động của con người đang diễn ra.

Câu 9. Người nguyên thủy đã phát hiện ra kim loại đầu tiên là

A. đồng B. kẽm. C. sắt. D. chì.

Câu 10. Công lịch bắt đầu khi nào?

A. Lấy năm tương truyền chúa Giê-su ra đời.
B. Lấy năm Đức Phật ra đời.
C. Khi con người xuất hiện đầu tiên trên trái đất.
D. Khi con người bắt đầu biết sử dụng kim loại.

Câu 11. Loài vượn cổ xuất hiện cách ngày nay khoảng

A. 5 – 6 triệu năm.
B. 4 triệu năm.
C. 15 vạn năm.
D. 4 vạn năm.

Câu 12. Quá trình tiến hóa từ vượn thành người diễn ra theo tiến trình nào sau đây?

A. Vượn người => người hiện đại => người tối cổ.
B. Người tối cổ => người tinh khôn => vượn nhân hình.
C. Vượn người => người tối cổ => người tinh khôn.
D. Người hiện đại => người tối cổ => vượn người.

Câu 13. Người tối cổ đã

A. loại bỏ hết dấu tích của loài vượn trên cơ thể mình.
B. biết chế tạo công cụ lao động bằng đồng đỏ.
C. hoàn toàn đi, đứng bằng hai chân.
D. có cấu tạo cơ thể giống với con người hiện nay.

Câu 14. Người xưa đã tính thời gian như thế nào?

A. Dựa vào sự lên xuống của thủy triều
B. Dựa vào đường chim bay

- C. Dựa vào thời gian mọc, lặn, di chuyển của Mặt Trời và Mặt Trăng
- D. Dựa vào quan sát các sao trên trời

Câu 15: Cách tính thời gian theo sự di chuyển của Mặt Trời gọi là

- A. Âm lịch
- B. Nông lịch
- C. Dương lịch
- D. Phật lịch

2. Tự luận

Bài 1. Vì sao xã hội nguyên thủy tan rã?

Bài 2. Có nhận định cho rằng: “Lao động đã giúp xã hội loài người phát triển” - Em hãy lí giải điều đó.

Bài 3: Câu hỏi vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tế

“Năm 208 TCN, Thục Phán ngôi, xưng là An Dương Vương.”

Em hãy cho biết năm đó thuộc thế kỉ mấy? Sự kiện đó cách ngày nay (năm 2023) bao nhiêu năm?

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ.

1. Trắc nghiệm khách quan:

Câu 1. Vai trò của Địa lí trong học tập là

- A. sử dụng trong quân sự
- B. giúp xác định vị trí và tìm đường đi
- C. giúp dự báo các hiện tượng tự nhiên (bão, gió...)
- D. giúp khai thác kiến thức môn Lịch sử và Địa lí

Câu 2. Trái Đất *không* có đặc điểm nào sau đây?

- A. Có dạng hình tròn
- B. Bán kính tại xích đạo là 6378km.
- C. Diện tích bề mặt hơn 510 triệu km²..
- D. Là một trong các hành tinh của hệ Mặt Trời

Câu 3: Kinh tuyến gốc và vĩ tuyến gốc có điểm chung là cùng mang số độ bằng:

- A. 0°
- B. 30°
- C. 90°
- D. 180°

Câu 4: Nếu cách 1° ở tâm thì trên bề mặt của quả Địa Cầu sẽ có bao nhiêu kinh tuyến?

- A. 360
- B. 361
- C. 180
- D. 181

Câu 5: Tỉ lệ bản đồ dùng để

- A. mô tả bản đồ và các đối tượng địa lí
- B. thể hiện các đối tượng, hiện tượng địa lí
- C. quy định mức độ chi tiết, tỉ mỉ của nội dung bản đồ
- D. đo tính khoảng cách thực tế trên bản đồ

Câu 6: Để thể hiện một nhà máy trên bản đồ, người ta sử dụng loại kí hiệu nào?

- A. Kí hiệu điểm
- B. Kí hiệu đường
- C. Kí hiệu diện tích
- D. Cả 3 loại

Câu 7. Kinh tuyến đi qua đài thiên văn Grin-uyt ở ngoại ô Luân Đôn nước Anh được gọi là

- A. kinh tuyến gốc.
- B. kinh tuyến Đông.
- C. kinh tuyến Tây.
- D. kinh tuyến đổi ngày.

Câu 8. Vĩ tuyến gốc (Xích đạo) là đường vĩ tuyến bao nhiêu độ?

- A. 0°.
- B. 10°.
- C. 20°
- D. 30°.

Câu 9. Bước đầu tiên cần làm để biết nội dung và lãnh thổ một bản đồ bất kì là

- A. tìm phương hướng. B. xem tỉ lệ bản đồ.
C. đọc tên bản đồ. D. đọc đường đồng mức.

Câu 10. Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất nằm ở vị trí thứ

- A. 2. B. 3. C. 4. D. 5.

Câu 11. Để thể hiện ranh giới quốc gia trên bản đồ, người ta dùng kí hiệu

- A. điểm. B. đường. C. diện tích. D. hình học.

Câu 12: Trên một tờ bản đồ có tỉ lệ 1: 1 000 000 người ta đo được khoảng cách từ thành phố A đến thành phố B là 5 cm. Tính khoảng cách tương ứng ngoài thực tế (ki-lô-mét).

- A. 5 km B. 50 km C. 500 km D. 5000 km

Câu 13: Tỉ lệ bản đồ 1: 6.000.000 có nghĩa là

- A. 1 cm trên bản đồ bằng 6.000 m trên thực địa.
B. 1 cm trên bản đồ bằng 600 m trên thực địa.
C. 1 cm trên bản đồ bằng 60 km trên thực địa.
D. 1 cm trên bản đồ bằng 6 km trên thực địa.

Câu 14: Trong tỉ lệ bản đồ số, mẫu số càng nhỏ thì tỉ lệ bản đồ càng

- A. rất nhỏ. C. trung bình.
B. nhỏ. D. lớn.

Câu 15: So với các nước nằm trong bán đảo Đông Dương thì nước ta nằm ở hướng nào sau đây?

- A. Đông. C. Nam.
B. Bắc. D. Tây.

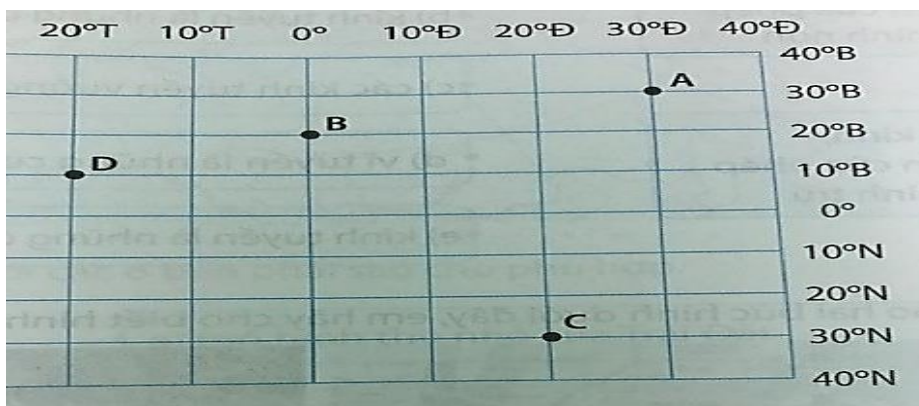
2. Tự luận

Bài 1: Tính khoảng cách thực tế dựa vào tỉ lệ bản đồ

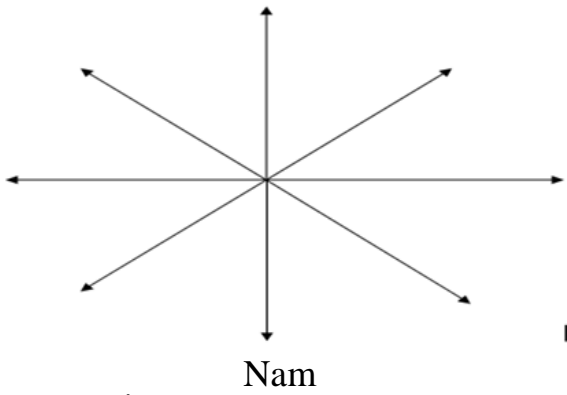
a, Trên bản đồ hành chính có tỉ lệ 1:6 000 000, khoảng cách giữa Thủ đô Hà Nội và thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) là 5 cm, vậy trên thực tế hai địa điểm đó cách nhau bao xa?

b, Hai địa điểm có khoảng cách thực tế là 25 km, thì trên bản đồ có tỉ lệ 1:500 000, khoảng cách giữa hai địa điểm đó là bao nhiêu?

Bài 2: Quan sát hình sau và viết tọa độ của điểm A,B,C,D.



Bài 3: Hãy xác định các phương hướng trên hình



D. GỢI Ý TRẢ LỜI.

I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ.

Bài 1: Xã hội nguyên thủy tan rã vì:

- Kim loại ra đời-> diện tích mở rộng-> năng suất lao động tăng-> sản phẩm dồi dào
- Một số người có khả năng lao động hoặc chiếm đoạt của cải dư thừa -> có nhiều của cải -> giàu có -> có quyền lực
- Xã hội phân hóa giàu – nghèo, thống trị - bị trị -> xã hội nguyên thủy tan rã.

Bài 2:

Lao động giúp con người tạo ra của cải vật chất, rèn luyện bản thân

Lao động giúp con người phát huy óc sáng tạo, phát triển trí não

Bài 3: Câu hỏi vận dụng kiến thức giải quyết vấn đề thực tế

HS vận dụng kiến thức đã học để nêu suy nghĩ bản thân.

II. PHÂN MÔN ĐỊA LÍ

Bài 1:

a, Ta có tỉ lệ 1: 6 000 000 nghĩa là cứ 1 cm trên bản đồ tương ứng với 6 000 000 cm trên thực tế. Vậy khoảng cách giữa Thủ đô Hà Nội và thành phố Vinh (tỉnh Nghệ An) là 5 cm thì trên thực tế hai địa điểm đó cách nhau là:

$$5 \times 6\,000\,000 = 30\,000\,000 \text{ (cm)} = 300 \text{ km}$$

b, Bản đồ có tỉ lệ 1: 500 000 nghĩa là cứ 1 cm trên bản đồ tương ứng với 500 000 cm trên thực tế:

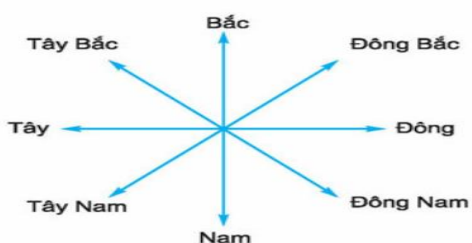
$$\text{Ta có } 25 \text{ km} = 2\,500\,000 \text{ cm}$$

Khoảng cách giữa hai địa điểm đó là: $2\,500\,000 : 500\,000 = 5 \text{ (cm)}$ trên bản đồ

Bài 2: Tọa độ địa lý của các điểm lần lượt là:

$$A (30^{\circ}B, 30^{\circ}Đ) \quad B (20^{\circ}B, 0^{\circ}) \quad C (30^{\circ}N, 20^{\circ}Đ) \quad D (10^{\circ}B, 20^{\circ}T)$$

Bài 3: Xác định các phương hướng :



A. Nhà ở nông thôn

B. Nhà ở chung cư

C. Nhà ở mặt phố

D. Nhà ở vùng núi.

Câu 7. Nhà thường được phân chia thành các khu vực chức năng như:

A. Khu sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh

B. Khu sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn.

C. Khu sinh hoạt chung, khu vực thờ cúng, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh

D. Khu sinh hoạt chung, khu vực nghỉ ngơi, khu vực nấu ăn, khu vực vệ sinh

Câu 8. Các bước chính xây dựng nhà ở cần tuân theo quy trình sau:

A. Thi công thô, thiết kế, hoàn thiện.

B. Thiết kế, hoàn thiện, thi công thô.

C. Thiết kế, thi công thô, hoàn thiện.

D. Hoàn thiện, thiết kế, thi công thô.

Câu 9. Ngôi nhà thông minh thường lắp đặt các hệ thống điều khiển tự động, bán tự động như:

A. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn; nhóm hệ thống chiếu sáng; nhóm hệ thống kiểm soát nhiệt độ; nhóm hệ thống giải trí.

B. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn; nhóm hệ thống chiếu sáng; nhóm hệ thống kiểm soát nhiệt độ; nhóm hệ thống giải trí; nhóm hệ thống điều khiển các thiết bị gia dụng.

C. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn; nhóm hệ thống chiếu sáng; nhóm hệ thống giải trí; nhóm hệ thống điều khiển các thiết bị gia dụng.

D. Nhóm hệ thống an ninh, an toàn; nhóm hệ thống chiếu sáng; nhóm hệ thống kiểm soát nhiệt độ; nhóm hệ thống điều khiển các thiết bị gia dụng.

Câu 10: Giúp cho xương và răng chắc khỏe là vai trò chủ yếu của loại muối khoáng nào?

A. Sắt

B. Calcium

C. Kẽm

D. Iodine

Câu 11. Nhà ở chung cư có kiểu kiến trúc như thế nào?

A. Có hệ thống phao dưới sàn giúp nhà có thể nổi lên

B. Nhà được xây dựng để phục vụ nhiều hộ gia đình

C. Các khu vực chức năng trong nhà thường được xây dựng tách biệt

D. Nhà ở thường được thiết kế nhiều tầng

Câu 12. Khi có nguy cơ mất an toàn, hệ thống an ninh báo cháy và chữa cháy sẽ thông báo cho chủ nhà qua:

A. điện thoại.

B. còi, đèn, chớp.

C. chờ chủ nhà về.

D. Điện thoại, còi, đèn, chớp

Câu 13. Thực phẩm nào là nguồn năng lượng chính cung cấp chất đường bột cho cơ thể?

A. Thịt bò

B. Gạo

C. Mỡ lợn

D. Rau bắp cải

Câu 14. Các loại thực phẩm như: Thịt lợn, gan, thịt bò cung cấp chủ yếu vitamin gì?

A. Vitamin A

B. Vitamin C

C. Vitamin B

D. Vitamin E

Câu 15. Người đi tới đâu, hệ thống đèn tương ứng tự động bật để chiếu sáng, là hệ thống điều khiển nào trong ngôi nhà thông minh?

C. Nói xấu các bạn có hoàn cảnh khó khăn hơn mình.

D. Nhặt được của rơi tạm thời đút túi.

Câu 7: Yêu thương con người sẽ nhận được:

A. sự kính trọng từ mọi người.

B. sự yêu quý và kính trọng từ mọi người.

C. sự xa lánh từ mọi người xung quanh.

D. sự chê bai từ những người xung quanh.

Câu 8: Hành động hiến máu nhân đạo hằng năm thể hiện nội dung nào dưới đây?

A. Siêng năng, kiên trì

B. Tình yêu thương con người

C. Tự làm chủ bản thân

D. Sống giản dị

Câu 9: Bố mẹ K đều là thạc sĩ và đảm đương những chức vụ quan trọng ở cơ quan. Vì vậy K rất hãnh diện với bạn bè. Cậu cho rằng bố mẹ mình thành đạt như vậy sau này thừa sức lo cho con cái, mình chẳng cần phải học hành làm gì cho vất vả. Suy nghĩ của K thể hiện thái độ chưa đúng trong việc:

A. phát huy truyền thống gia đình. B. biết hưởng thụ cuộc sống hiện tại.

C. biết ý nại vào vị thế của bố mẹ. D. phát huy lợi thế của bố mẹ.

Câu 10: Câu tục ngữ: “Đi một ngày đàng, học một sàng khôn” thể hiện truyền thống:

A. hiếu thảo.

B. hiếu học.

C. yêu nước.

D. yêu thương con người.

Câu 11: Lòng yêu thương con người xuất phát từ đâu?

A. Xuất phát từ lòng chân thành, vô tư, trong sáng.

B. Xuất phát từ sự ban ơn.

C. Xuất phát từ lòng thương hại.

D. Xuất phát từ sự mong trả ơn.

Câu 12: Hành vi nào dưới đây không thể hiện tình yêu thương con người?

A. Mai và gia đình thường đến thăm trại trẻ mồ côi vào cuối tuần.

B. Hiếu đã giận Trung vì Trung không cho chép bài trong giờ kiểm tra.

C. Ngọc đã kêu cứu mọi người để bảo vệ em nhỏ khỏi bị đuối nước.

D. Hà thường giúp đỡ những trẻ em lang thang trên phố.

II. CÂU HỎI ÔN TẬP.

Câu 1: Ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. Là học sinh em cần phải làm gì để phát huy truyền thống gia đình, dòng họ?

Câu 2: Yêu thương con người là gì? Biểu hiện của tình yêu thương con người?

Câu 3: Cách rèn luyện, đức tính siêng năng kiên trì trong lao động, học tập và cuộc sống

III. BÀI TẬP TÌNH HUỐNG. Học sinh làm các bài tập trong SGK vận dụng kiến thức lí thuyết vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống.

Tình huống 1: Nhà trường phát động quyên góp ủng hộ đồng bào bị bão lụt. Ở lớp của Linh, các bạn ủng hộ tiền và rất nhiều quần áo. Do gia đình khó khăn nên Linh chỉ đóng góp được một ít sách giáo khoa cũ. Một số bạn trong lớp phê bình Linh, cho rằng Linh không biết yêu thương, giúp đỡ người khác.

Câu hỏi:

a. Em có đồng tình với một số bạn trong lớp phê bình Linh không? Vì sao?

b. Nếu em là một người bạn cùng lớp với Linh, em sẽ khuyên các bạn như thế nào?

c. Qua tình huống trên, em rút ra bài học gì?

Tình huống 2: Các bạn học sinh lớp 6A được cô giao bốn bài tập về nhà. Lan cố gắng suy nghĩ và làm ba bài đầu rất cẩn thận, nhưng đến câu cuối Lan nghĩ mãi không tìm ra cách làm nên Lan chép ở sách giải bài tập để khỏi mất công suy nghĩ.

Câu hỏi :

- Em hãy nhận xét về việc làm của Lan trong tình huống trên?
- Nếu là một người bạn cùng lớp với Lan, em sẽ làm gì?
- Qua tình huống trên, em rút ra bài học gì?

GỢI Ý TRẢ LỜI NỘI DUNG ÔN TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 6

II. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Ý nghĩa của truyền thống gia đình, dòng họ. Là học sinh em cần phải làm gì để phát huy truyền thống gia đình, dòng họ?

- Truyền thống của gia đình, dòng họ giúp chúng ta có thêm kinh nghiệm, động lực, vượt qua khó khăn, thử thách và nỗ lực vươn lên để thành công.
- Chúng ta cần tự hào, trân trọng, nối tiếp và gìn giữ truyền thống tốt đẹp của gia đình, dòng họ bằng hành vi và thái độ phù hợp.

Câu 2: Yêu thương con người là gì? Biểu hiện của tình yêu thương con người?

- Khái niệm:

Yêu thương con người là quan tâm, giúp đỡ và làm những điều tốt đẹp cho người khác, nhất là những lúc gặp khó khăn, hoạn nạn.

Câu 3: Cách rèn luyện, đức tính siêng năng kiên trì trong học tập, lao động và cuộc sống?

+ Trong học tập: đi học chuyên cần, chăm chỉ làm bài, có kế hoạch học tập, bài khó không nản, tự giác học, đạt kết quả cao....

+Trong lao động: Chăm làm việc nhà, không bỏ dở công việc, không ngại khó, miệt mài với công việc, tìm tòi sáng tạo...

+Trong cuộc sống: Kiên trì luyện tập TĐTT, kiên trì đấu tranh phòng chống tệ nạn xã hội, dịch bệnh covid, bảo vệ môi trường...

*** BÀI TẬP TÌNH HUỐNG.**

TÌNH HUỐNG 1:

a. Em không đồng tình với một số bạn trong lớp Linh. Một số bạn phê bình Linh như vậy là sai bởi yêu thương, giúp đỡ người khác là xuất phát từ tấm lòng chân thành của mình, mong muốn đem lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho người khác, có thể chỉ là lời động viên, an ủi,... chứ không phải cứ giúp đỡ nhiều về vật chất mới là yêu thương con người.

b. Nếu là em, em sẽ: Giải thích cho các bạn cùng lớp hiểu đúng về tình yêu thương, sự chia sẻ để các bạn thấy rằng tấm lòng của Linh cũng thật đáng quý. Em và các bạn cùng lớp sẽ tích cực quyên góp, kêu gọi mọi người để hoạt động ủng hộ được lan rộng hơn nữa.

c. Bài học: không nên phê phán người khác, khuyên các bạn cùng nhau thực hiện hoạt động ý nghĩa này....

TÌNH HUỐNG 2:

a. Việc làm của Lan chưa tốt (khi gặp bài khó, bạn thường ngại suy nghĩ và giở sách giải bài tập ra chép), bạn không siêng năng kiên trì.

b. Khuyên bạn: Bạn đã chưa kiên trì đọc kỹ đề bài, tìm hiểu kỹ kiến thức để tự làm bài theo cách hiểu của mình. Lan cần rèn luyện đức tính siêng năng, kiên trì trong học tập...

c. Bài học: chịu khó học hỏi, sưu tầm tài liệu, để nâng cao kiến thức...

MÔN TIẾNG ANH

A. VOCABULARY AND GRAMMAR:

- The present simple tense.
 - The present continuous tense.
 - Adverbs of frequency.
 - Prepositions of place.
- Sounds: /ʌ/ - /a:/; /s/ - /z/; /p/ and/ b/
 - Vocabulary: Unit 1- Unit 3
 - Possessive case.

B. PRACTICE:

I. PHONETICS

** Mark the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of following question.*

- | | | | |
|------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|
| 1. A. <u>f</u> unny | B. <u>b</u> usy | C. <u>l</u> unch | D. <u>c</u> upboard |
| 2. A. <u>a</u> ctive | B. <u>f</u> lat | C. <u>h</u> appen | D. <u>d</u> ance |
| 3. A. <u>b</u> ag | B. <u>f</u> amily | C. <u>b</u> athroom | D. <u>f</u> an |
| 4. A. <u>M</u> onday | B. <u>s</u> ometimes | C. <u>b</u> rother | D. <u>d</u> octor |
| 5. A. <u>f</u> ast | B. <u>c</u> lassroom | C. <u>f</u> ather | D. <u>l</u> ibrary |
| 6. A. student <u>s</u> | B. teacher <u>s</u> | C. worker <u>s</u> | D. farmer <u>s</u> |
| 7. A. chair <u>s</u> | B. sofa <u>s</u> | C. bed <u>s</u> | D. sink <u>s</u> |
| 8. A. toilet <u>s</u> | B. light <u>s</u> | C. table <u>s</u> | D. desk <u>s</u> |
| 9. A. school <u>s</u> | B. restaurant <u>s</u> | C. hotel <u>s</u> | D. bookstore <u>s</u> |
| 10. A. pen <u>s</u> | B. ruler <u>s</u> | C. notebook <u>s</u> | D. table <u>s</u> |

** Mark the letter A, B, C or D to indicate the word that differs from in the other three in the position of primary stress in each following sentence.*

- | | | | |
|-----------------|--------------|-------------|-------------|
| 1. A. music | B. event | C. history | D. lesson |
| 2. A. study | B. visit | C. science | D. enjoy |
| 3. A. sporty | B. arrive | C. biscuits | D. compass |
| 4. A. active | B. friendly | C. advice | D. caring |
| 5. A. mistake | B. helpful | C. physics | D. lesson |
| 6. A. beautiful | B. confident | C. computer | D. uniform |
| 7. A. garden | B. between | C. active | D. homework |
| 8. A. classroom | B. father | C. correct | D. teacher |
| 9. A. student | B. teacher | C. driver | D. machine |
| 10. A. lovely | B. hotel | C. happen | D. tidy |

II. VOCABULARY AND GRAMMAR

** Mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions.*

- The unit has a list of _____. It's about 30 words.
A. lesson B. vocabulary C. grammar D. homework
- What do you usually do _____ break time?
A. on B. in C. at D. about
- Mr. Khang _____ our class Math.
A. teach B. teaches C. does D. starts
- You can borrow books from the school _____.
A. yard B. canteen C. library D. garden
- Mary studies in _____ school. She doesn't go home every day.

- A. a boarding B. an international C. a new D. an old
6. Mai and Hoa _____ to school from Monday to Friday.
A. goes B. go C. is going D. are going
7. Look! They _____ badminton with their friends.
A. play B. plays C. playing D. are playing
8. Her family's _____ is on the fifteenth floor.
A. apartment B. town house C. villa D. cottage
9. I often turn on the _____ in hot weather.
A. kitchen B. sink C. air-conditioner D. microwave
10. She usually stands on the _____ and looks down the street
A. balcony B. window C. roof D. wall
11. We often use bows and _____ in the meals.
A. dishwasher B. chopsticks C. microwave D. cookers
12. There are some dirty dishes _____ the floor.
A. in B. with C. on D. for
13. _____ there any furniture _____ your new living room?
A. Is - in B. Is - at C. Are - in D. Are - on
14. There are many chairs in the kitchen, _____ there is only one in my bedroom.
A. so B. because C. but D. in
15. Noriko looks pretty in her new _____ style.
A. hair B. elbow C. neck D. shoulder.
16. Jose finishes difficult math questions in a short time. He is _____.
A. helpful B. clever C. kind D. confident
17. Phuc is _____. He is 12 years old but 1,7 meter in height.
A. strong B. long C. fat D. tall
18. Mary _____ on the phone at the moment.
A. talk B. not talk C. talks D. is talking
19. Isabella _____ Literature on Wednesdays and Fridays.
A. do not have B. does not have C. is not having D. aren't having
20. The kids are _____ their tricycles around the playground.
A. playing B. riding C. taking D. driving

* **Mark the letter A, B, C or D to indicate the word(s) CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions:**

1. My close friend live in an **apartment** with her parents.
A. villa B. house C. flat D. stilt house
2. My friend Trang is very **clever**. She is good at learning things.
A. confident B. pretty C. intelligent D. creative
3. In my bedroom, the wardrobe is **next to** the window.
A. behind B. under C. above D. near
4. Linh is a **beautiful** girl in my group.
A. nice B. kind C. helpful D. pretty
5. There are some **strange** houses around the world.

A. weird

B. different

C. untidy

D. large

** Mark the letter A, B, C or D to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions:*

1. You can easily recognise her. She has **straight** dark hair and big brown eyes.

A. Curly

B. long

C. blonde

D. short

2. My grandparents live in a **country house**.

A. stilt house

B. villa

C. city house

D. apartment

3. Let me **put on** my uniform, then we can go.

A. put up

B. put at

C. put off

D. put of

4. My sister go to the **same** school with me.

A. nice

B. big

C. new

D. different

5. The dog is **in front of** the T.V.

A. behind

B. next to

C. near

D. between

** Mark the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to complete each of the following exchanges:*

1. **Minh:** Phong, this is Hai, my new classmate.

Phong: Hi, Hai. Nice to meet you.

Hai: Hi, Phong. _____

A. See you soon

C. Nice to meet you, too.

B. Thank you.

D. You are nice.

2. **Mum:** How about putting the picture on the wall?

Lan: _____

Mum: Let's go to the store to buy a new one.

A. It's good.

C. Yes, please

B. Good idea, Mum.

D. Not at all.

3. **An:** Would you like to come to my birthday party tonight?

Linh: _____

A. I'd love to.

C. Yes, I would

B. No, I can't.

D. It's my pleasure.

4. **Tom:** What does your sister look like?

Minh: _____

A. She's very kind and hard-working

C. She's short with dark hair.

B. She is very good at maths.

D. She likes carrots and tomatoes.

5. **Van:** What's your mother like?

Thu: _____

A. She's wearing glasses.

C. She's tall and thin.

B. She's kind and helpful.

D. She goes to work by bus.

III. READING COMPREHENSION:

*** Read the following passage and mark the letter A, B, C or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blank.**

Passage 1

Hi! My (1) _____ is John. I live in Wellington. Wellington is a small city and it is the capital (2) _____ New Zealand. I (3) _____ with my grandparents, my parents and my two brothers and my sister. We live in a large house.

In our house, (4) _____ is a big kitchen, a dining room, a large living room and a toilet. There is also a separate room for our washing machine and freezer. Upstairs there (5) _____ five bedrooms, two bathrooms and another toilet. Outside there is a large garden. There are two garages.

- | | | | |
|--------------|------------|---------|----------|
| 1. A. school | B. subject | C. name | D. class |
| 2. A. of | B. in | C. for | D. with |
| 3. A. work | B. study | C. live | D. like |
| 4. A. It | B. Here | C. They | D. There |
| 5. A. is | B. are | C. has | D. have |

Passage 2

My (1) _____ is Selena. She is thirty-six. She is a (2) _____ and she works at a hospital. She (3) _____ care of the patients very carefully. She never gets angry with them. My mom (4) _____ a nice voice. She often (5) _____ many interesting fairytales. I like to listen to her stories because they can help us to learn some lessons. She is very busy but sometimes she takes us to the park near our house.

- | | | | |
|---------------------|----------------|------------------|------------|
| 1. A. mother's name | B. mother name | C. name's mother | D. name |
| 2. A. teacher | B. singer | C. nurse | D. student |
| 3. A. take | B. takes | C. give | D. gives |
| 4. A. use | B. have | C. has | D. uses |
| 5. A. talks | B. speaks | C. says | D. tells |

*** Read the following passage and mark the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the question.**

Passage 1

"Let's have a picnic lunch in the countryside." This is easy to say nice to think about. You imagine a beautiful green field with a big tree in the middle which gives some shade from the sun. All around is lovely scenery and in the distance you can see the cows quietly eating the grass. After a meal of delicious sandwiches and raw fruit you can imagine lying in the warm sun then as darkness comes. You strap up your basket and drive happily home.

But it doesn't always happen like this. You must not forget that flies also like raw food, that green fields are sometimes damp fields, that rain may follow the sun that peaceful cows may be unfriendly bull.

1. What is easy to say and nice to think about?
 - A. "Let's have a picnic lunch in the countryside" is.
 - B. "Let's have a picnic lunch in the mountain" is.
 - C. "Let's have a picnic lunch in the green fields" is.
 - D. "Let's have a picnic lunch in the city" is.
2. Where, in your imagine, is the big tree?

5. blue eyes,/ has/ straight nose/ Grace/ and a/ full lips

_____.

6. are/ some books/ on/ next to/ There/ the desk/ my chair

_____.

7. watering/ likes/ flowers/ our garden/ in/ My brother/ the

_____.

8. attend/ with/ Would/ like/ to/ you/ birthday party/ Mai's/ me?

_____?

MÔN HDTNHN

I. Nội dung câu hỏi ôn tập:

1. Chủ đề 1: Em với nhà trường

- Xây dựng tình bạn, tình thầy trò: Hợp tác thật vui
- Học khôn ngoan mà không gian nan

2. Chủ đề 2: Khám phá bản thân

- Kỹ năng dẫn chương trình
- Tự tin thấu hiểu bản thân

MÔN THỂ DỤC

- **Chạy cự ly ngắn**

Loại đạt: Thực hiện được cơ bản đúng các kỹ thuật chạy ngắn, đủ cự ly (Có thể thi lý tuyết)

Loại chưa đạt: Thực hiện chưa đúng các kỹ thuật chạy ngắn, chưa đủ cự ly. Không nghiêm túc trong quá trình kiểm tra.

MÔN ÂM NHẠC

I/ Nội dung ôn tập:

Học sinh học thuộc lòng bài hát và tập đọc nhạc

Trình bày một trong những bài sau (Học sinh bốc thăm bài)

1. Hát bài “ *Con đường học trò.*”
2. Hát bài “*Đời sống không già vì có chúng em.*”
3. Tập đọc nhạc số 1

II/ Yêu cầu:

1. Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện tốt sắc thái, tình cảm
2. Đọc đúng cao độ, trường độ, gõ đúng phách, thể hiện đúng tính chất nhịp của bài tập đọc nhạc

MÔN MỸ THUẬT

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Bài 3: Tranh in hoa lá

Bài 4: Thiệp chúc mừng

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Bài 3: Tranh in hoa lá

- Chỉ ra được một số kĩ thuật in từ các vật liệu khác nhau.
- Tạo được bức tranh in hoa lá.
- Nhận biết được biểu cảm và nét đẹp tạo hình của hoa lá trong sản phẩm in.

Bài 4: Thiệp chúc mừng

- Chỉ ra được cách kết hợp chữ và hình có sẵn tạo sản phẩm bưu thiếp.
- Tạo được bưu thiếp chúc mừng với hình có sẵn.
- Phân tích được vai trò của chữ, hình, màu trong bưu thiếp chúc mừng và sản phẩm mỹ thuật.

Lịch kiểm tra giữa học kỳ I (có thể thay đổi theo thực tế nhà trường)

(Tuần 9,10 từ 01/10/2023 đến hết 10/11/2023)

Tuần	Thứ	Ngày	Tiết/ buổi	Môn thi
	hai	30/10/2023	3-Sáng	Tin 6,7,8
9	ba	31/10/2023	2-Sáng	Công nghệ 6,7,8,9
	Tư	1/11/2023	3-Sáng	GDCD 6,7,8,9.
	Năm	2/11/2023	1 -Sáng	Địa 9
	Sáu	3/11/2023	1-Sáng	Sử 9.
			5- Sáng	HĐTN-HN 6,7,8
	Bảy	4/11/2023	1- Sáng	Sinh 9
10	Hai	6/11/2023	2-Sáng	Lý 8,9.
			2- Sáng (8h20—9h20)	Lịch sử &Địa lí 6,7 (60 phút)
	Ba	7/11/2023	1- Sáng	Hóa 9.
			1+2 Sáng	KHTN 6,7,8 (90 phút)
	Tư	8/11/2023	1+2- Sáng 3+4-Sáng	Văn 8,9 Văn 6,7
			14h00 đến 15h00 15h30 đến 16h30	Anh 6,7 (60 phút) Anh 8,9 (60 phút)
	Năm	9/11/2023	1+2 - Sáng	Toán 8,9
			3+4 - Sáng	Toán 6,7